TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh Ph**

Bản án số: 37/2020/HN-PT
Ngày: 08- 12 - 2020
V/v tranh chấp chia T1 sản chung sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử Ph thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Mai Dung;

Bà Nguyễn Thị An T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 03 và ngày 08 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử Ph thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2020/TLPT-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp "*Chia T1 sản chung sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42A/2020/HN-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử Ph thẩm số: 29/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Mỹ T, sinh năm 1985; cư trú tại: ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Văn Tấn Kh, sinh năm 1985; cư trú tại: ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Kh: Anh Dương Lê T1, sinh năm 1987; cư trú tại: khu phố NT, phường NS, thành phố TN, Tây Ninh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 27-6-2019), có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Huỳnh Thị Thanh T2, sinh năm 1992; cư trú tại: khu phố LĐ, phường LTB, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1962; cư trú tại: khu phố NL, phường NT, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

3. Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1981; cư trú tại: ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt

4. Quỹ tín dụng nhân dân HT1

Địa chỉ: khu phố HH, phường HT1, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Minh C, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, có mặt

5. Anh Văn Tấn Ph, sinh năm 1980; cư trú tại: xã TT1, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh**.**

Người đại diện hợp pháp của cho anh Ph: Anh Lê Phước Ý, sinh năm 1995; cư trú tại: khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 07-11-2019). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

6. Anh Lê Nguyên B, sinh năm 1973; cư trú tại: ấp LY, xã LTN, thị xã HT, Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh B: Anh Lê Phước Ý, sinh năm 1995; cư trú tại: ấp HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 07-11-2019). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn - chị Huỳnh Thị Mỹ T trình bày:*

Chị T và anh Kh trước đây là vợ chồng, đã thuận tình ly hôn theo Quyết định ly hôn số 382/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 16-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh Tây Ninh. Theo Quyết định số 382 anh chị thống nhất thuận tình ly hôn, con chung có 02 con, tên Văn Minh Ph1, sinh ngày 28-12-2013 và Văn Minh Ch, sinh ngày 06-6-2016. Anh chị thỏa thuận giao con tên Minh Châu cho chị T nuôi, giao con tên Minh Phát cho anh Kh nuôi. T1 sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì chị mâu thuẫn với gia đình anh Kh nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn giả để anh chị ổn định cuộc sống, cùng sửa lại căn nhà, nhưng sau đó giữa anh chị lại phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh Kh không ở chung nhà mà về nhà mẹ ruột ở. Trong quá trình hôn nhân, anh chị cần tiền để ổn định cuộc sống nên có vay tiền, tham gia chơi hụi, vay tiền của Quỹ tín dụng và đã tạo lập được T1 sản chung là nhà 01 căn nhà, đất ở HT và một phần đất nông nghiệp tại huyện GD, tỉnh Tây Ninh, 02 chiếc xe mô tô và 01 xe tải anh Kh đang quản lý sử dụng.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia T1 sản chung theo quy định, gồm:

Về T1 sản chung:

- 01 căn nhà cấp 4 ngang 8m x dài 50m, trên phần đất diện tích 408m^2, đất ở nông thôn 100 m^2, thửa đất số 383, bản đồ số 15, tọa lạc tại số 637, đường Phạm Hùng, ấp LB, xã LTN, huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh Tây Ninh. Do UBND huyện HT (nay là thị xã HT) cấp cho Văn Tấn Kh và Huỳnh Thị Mỹ T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28-7-2011.

- Phần đất diện tích 717,2m^2, đất ở nông thôn 200m^2, thửa đất số 394, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp Cẩm B, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp cho anh Văn Tấn Kh và chị Huỳnh Thị Mỹ T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15-3-2018.

- 01 chiếc xe tải loại xe 01 tấn, hiệu Hyun Dai, biển số: 54Z-3417. Hiện anh Kh đang quản lý sử dụng.

- 01 chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter, biển số: 70H1-359. 90, đứng tên Huỳnh Thị Mỹ T, hiện giấy xe và xe do anh Kh đang quản lý sử dụng.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại sirius, biển số: 70H1-168.20, đứng tên Huỳnh Thị Mỹ T, hiện chị T đang quản lý sử dụng.

Về nợ chung:

1. Ngày 06-11-2018 anh chị ký kết Hợp đồng tín dụng số 964/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân Hiệp Tân vay số tiền 800.000.000 đồng, mục đích vay kinh doanh vàng, cầm đồ, mua đất, thời hạn vay 24 tháng, từ ngày 06-11-2018 đến 06-11-2020. Ngày 05-11-2018, để đảm bảo cho khoản tiền vay trên, anh chị ký kết Hợp đồng thế chấp số 180530/2018-HĐTC Quỹ tín dụng nhân dân HT1. Anh chị thế chấp T1 sản là Quyền sử dụng đất thửa số 383, tờ bản đồ 15; loại đất ở, đất vườn; diện tích 408,00m^2 tọa lạc tại số 637, ấp LB, xã LTN, huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh Tây Ninh.

2. Thiếu tiền nợ hụi của chị Nguyễn Thị Kim H là 542.000.000 đồng, từ khi chị H nộp đơn khởi kiện đến nay chị T đã trả cho chị H số tiền là 395.200.000 đồng, còn nợ lại 146.800.000 đồng.

3. Ngày 08-3-2018, chị có vay tiền của em gái ruột tên Huỳnh Thị Thanh T2. Nay chị T2 đồng ý thoả thuận sau với chị, nên chị T2 đã rút đơn khởi kiện nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Ngày 11-10-2017 âm lịch, chị vay của bà Trần Thị L 200.000.000 đồng; ngày 11-5-2018 âm lịch vay tiếp 200.000.000 đồng. Tổng cộng 400.000.000 đồng, từ ngày vay đến nay chị đã trả dần cho bà L tiền vốn vay 300.000.000 đồng và tiền lãi là 67.200.000 đồng, tổng cộng 367.200.000 đồng. Nay còn nợ bà L 100.000.000 đồng tiền vốn. Nay chị đồng ý tiếp tục trả cho bà L số tiền 100.000.000 đồng tiền vốn vay.

Năm 2018, chị đã đầu tư xây sửa nhà lại, tổng chi phí 560.000.000 đồng. Nay chị T yêu cầu được nhận nhà và tính chi phí cho chị, chị nhận chiếc xe sirus chị đang sử dụng.

Chị đồng ý giao cho anh Kh phần đất tọa lạc tại ấp CL, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh, 01 chiếc xe tải, 01 chiếc xe mô tô anh Kh đang quản lý, sử dụng.

- Về nợ riêng: Ngày 01-12-2018 âm lịch, anh Kh có mượn tiền của chị T số tiền là 50.000.000 đồng, anh Kh có viết giấy mượn tiền, anh Kh đã trả được 30.000.000 đồng, nay anh Kh còn nợ chị T 20.000.000 đồng, chị yêu cầu anh Kh trả 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi theo quy định.

Chị T yêu cầu anh Kh cùng có nghĩa vụ trả nợ chung với chị.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Văn Tấn Ph, anh Lê Nguyên B. Chị T không biết cụ thể, nhưng tại tòa anh T1 trình bày là nợ do anh Kh vay mượn để kinh doanh lò gạch, nay chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết chia lợi nhuận lò gạch nên chị không chịu trách nhiệm trả các khoản nợ của anh Ph, anh B. Nếu anh Kh có nợ thì anh Kh tự chịu trách nhiệm trả nợ.

- Về yêu cầu thay đổi người nuôi con chung: Theo quyết định thỏa thuận ly hôn số 382/2018/QĐST-HNGĐ, chị T chăm sóc nuôi dưỡng cháu Minh Ch, anh Kh chăm sóc nuôi dưỡng cháu Minh Ph1. Tuy nhiên, anh Kh đồng ý giao cháu Minh Ph1 cho chị nuôi dưỡng, mặt khác anh Kh thường xuyên đi công trình nên cháu Minh Ph1 hiện đang ở cùng bà nội, do giữa chị và anh Kh phát sinh nhiều mâu thuẫn nên việc thăm nom con không được thuận lợi, chị xin được thay đổi người nuôi con để chị trực tiếp chăm sóc bé Minh Ph1 ổn định hơn.

- Bị đơn anh Văn Tấn Kh và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, anh Dương Lê T1 trình bày:

Anh Kh thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, về con chung. Theo Quyết định số 382/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 16-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh Tây Ninh không yêu cầu giải quyết T1 sản chung, nợ chung.

Về T1 sản chung: Anh thống nhất lời trình bày của chị T gồm: 01 căn nhà trên phần đất diện tích 408m^2 (đất ở nông thôn 100m^2), thửa đất số 383, bản đồ số 15, tọa lạc tại số 637, đường Phạm Hùng, ấp LB, xã LTN, Thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; 01 phần đất diện tích 717,2m^2, đất ở nông thôn 200m^2, thửa đất số 394, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; 01 chiếc xe tải loại 01 tấn, hiệu Hyun Dai, biển số: 54Z-3417; 01 chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA loại Exciter, biển số: 70H1-359.90; 01 chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA loại sirius, biển số: 70G1-168.20.

- Đối với khoản nợ anh Kh có viết giấy nợ cho chị T nên đồng ý trả cho chị T số tiền là 20.000.000 đồng.

Về nợ chung:

- Anh Kh không đồng ý trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân HT1 vì anh không có nhận tiền vốn vay 800.000.000 đồng, toàn bộ tiền vay do chị T nhận và nay anh không đồng ý trả tiền này cho Qũy tín dụng, anh yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tín dụng, Hợp

đồng thế chấp vô hiệu, buộc chị T trả hết tiền vốn vay, tiền lãi cho Qũy tín dụng. Vì anh chị không còn là vợ chồng nên Hợp đồng tín dụng ghi người thừa kế là anh thì không đúng, dù anh có ký tên nhưng vì chị T cần tiền kinh doanh mà anh là người cùng đứng tên sở hữu quyền sử dụng đất nên anh có ký tên vào Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp, nhưng thực tế anh không có sử dụng tiền vay. Đề nghị tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu.

- Đối với các khoản nợ của bà L, chị H, chị T2 anh không biết nên không đồng ý trả.

- Đối với số tiền vay của anh Ph, anh B: Anh Kh thừa nhận có vay tiền để kinh doanh lò gạch, hùn vốn kinh doanh với bạn nhưng không chia lợi nhuận cho chị T vì nay anh chị không còn là vợ chồng nên việc kinh doanh lò gạch là việc riêng của anh, tuy chị T không ký tên vào nhận tiền nhưng anh vay tiền trong thời kỳ hôn nhân nên anh yêu cầu chị T phải chịu trách nhiệm trả nợ cho anh Ph số tiền 380.000.000 đồng, trả anh B số tiền 1.080.000.000 đồng.

** Ngày 20-8-2019, anh Kh nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia T1 sản chung:*

Anh Kh trình bày trong quá trình hôn nhân, anh chị có tạo lập được T1 sản chung nhưng do chị T đã sử dụng riêng cá nhân, không có đưa tiền cho anh, nay anh yêu cầu chị T chia lại cho anh số tiền cụ thể:

1. Đối với chiếc xe SH, biển số 70G1-472.75, đã bán theo lời trình bày của chị T yêu cầu chia đôi giá trị xe 50.000.000 đồng : 2 = 25.000.000 đồng.

2. 01 phần đất ở ấp BK, xã LTN, thị xã HT, Tây Ninh đã bán cho anh Nguyễn Ngọc O, sinh năm 1978 và chị Võ Thị N, sinh năm 1976 giá 700.000.000 đồng vào năm 2018. Số tiền này trả cho Ngân hàng Sacombank 400.000.000 đồng, số tiền còn lại là 300.000.000 đồng, chị T giữ, nay anh Kh yêu cầu chị T phải trả cho anh số tiền là 150.000.000 đồng. Phần tiền này trong thời kỳ hôn nhân, bán đất xong giao tiền cho chị T, do đang làm thủ tục ly hôn nên thống nhất giao tiền cho chị T sử dụng.

Theo đơn khởi kiện anh Kh có yêu cầu chia cho anh tiền vay của Qũy tín dụng nhân dân HT1 là 400.000.000 đồng, nay anh thay đổi ý kiến, không đồng ý cùng trả tiền cho Qũy tín dụng mà chị T phải trả hết cho Qũy tín dụng nhân dân HT1.

Tổng cộng anh Kh yêu cầu chị T phải trả lại cho anh số tiền là 175.000.000 đồng, đây là tiền trong thời kỳ hôn nhân chị T đã lấy sử dụng riêng.

Anh T1 là người đại diện hợp pháp của anh Kh trình bày, hiện nay anh Kh không có nhà để ở nên yêu cầu được nhận T1 sản chung là nhà đất tọa lạc tại xã LTN, thị xã HT để ổn định cuộc sống, hoàn tiền chênh lệch lại cho chị T, đồng ý hoàn cho chị T chi phí và công xây nhà là 91.340.000 đồng; đồng ý giao lại cho chị T phần đất tọa lạc tại huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ *Bà Trần Thị L trình bày*: Bà là hàng xóm của gia đình bên nội chị T, từ khi chị T có chồng ít khi gặp, nhưng bà có biết anh Kh. Cách đây khoảng 02 năm, bà có 01 phần đất bán nên chị T biết và đến hỏi vay bà 400.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 11-10-2017 âm lịch, bà cho chị T vay 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,2%/tháng. Giấy nợ do chính chị T viết và ký tên.

- Ngày 11-5-2018 âm lịch, bà cho chị T vay 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,2%/tháng. Giấy nợ do chính chị T viết và ký tên.

Tổng cộng tiền nợ vốn vay là 400.000.000 đồng, chị T anh Kh vay không có thế chấp T1 sản nào cho bà. Các bên không thỏa thuận ngày trả, chị T vay tiền để kinh doanh. Từ ngày vay đến nay chị T đã trả dần tiền cho bà, chị T trả được 367.200.000 đồng. Trong đó tiền vốn là 300.000.000 đồng, tiền lãi vay là 67.200.000 đồng. Chị T trả tiền vốn tiền lãi có viết tiếp theo vào giấy nợ.

Ngày 31-7-2019, bà L có yêu cầu độc lập yêu cầu anh Kh, chị T phải trả cho bà số tiền vốn vay còn nợ là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi theo quy định.

+ *Chị Nguyễn Thị Kim H trình bày*: Chị làm chủ hụi, chị có cho chị T tham gia chơi các phần hụi cụ thể:

- Ngày 25-6-2017 âm lịch, chị có mở dây hụi 5.000.000 đồng, có 26 phần, chị T tham gia 01 phần hụi, ngày 25-9-2017 âm lịch chị T hốt hụi, chị T còn nợ 10 lần hụi chết chưa đóng là 50.000.000 đồng.

- Ngày 06-10-2017 âm lịch chị có mở dây hụi 5.000.000 đồng, có 24 phần, chị T tham gia 02 phần hụi, ngày 06-12-2017 âm lịch và ngày 06-01-2018 âm lịch chị T hốt hụi, chị T còn nợ 13 lần hụi chết chưa đóng là 130.000.000 đồng.

- Ngày 06-11-2016 âm lịch chị có mở dây hụi 5.000.000 đồng, có 24 phần, chị T tham gia 02 phần hụi, ngày 06-02-2017 âm lịch và ngày 06/3/2017 âm lịch chị T hốt hụi, chị T còn nợ 02 lần hụi chết chưa đóng là 20.000.000 đồng.

- Ngày 10-6 (Nhuần)-2017 âm lịch chị có mở dây hụi 5.000.000 đồng, có 24 phần, chị T tham gia 02 phần hụi, ngày 10-8-2017 âm lịch và ngày 10/02/2018 âm lịch chị T hốt hụi, chị T còn nợ 09 lần hụi chết chưa đóng là 90.000.000 đồng.

- Ngày 06-9-2017 âm lịch chị có mở dây hụi 3.000.000 đồng, có 24 phần, chị T tham gia 02 phần hụi, ngày 06-11-2017 âm lịch và ngày 06-12-2017 âm lịch chị T hốt hụi, chị T còn nợ 12 lần hụi chết chưa đóng là 72.000.000 đồng.

- Ngày 29-3-2018 âm lịch chị có mở dây hụi 5.000.000 đồng, có 24 phần, chị T tham gia 02 phần hụi, ngày 30-3-2018 âm lịch và ngày 30-7-2018 âm lịch chị T hốt hụi, chị T còn nợ 18 lần hụi chết chưa đóng là 180.000.000 đồng.

Tổng cộng tiền hụi chị T chưa đóng cho chị là 542.000.000 đồng. Tất cả các dây hụi đã mãn, chị T chưa trả tiền hụi chết cho chị. Ngày 08-8-2019, chị H có yêu cầu độc lập, yêu cầu chị T anh Kh trả cho chị số tiền hụi 542.000.000 đồng

Từ ngày chị H khởi kiện đến nay, chị T đã trả cho chị được tổng số tiền là 395.200.000 đồng, còn nợ tiền vốn 146.800.000 đồng. Nay chị yêu cầu chị T, anh Kh phải có trách nhiệm cùng trả cho chị khoản tiền nợ là 146.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất theo quy định.

+ Chị Huỳnh Thị Thanh T2 trình bày:

Ngày 08-3-2018 âm lịch, chị có cho vợ chồng chị T, anh Kh vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1,5%/tháng, không hẹn thời gian trả nợ mà khi nào có thì trả cho chị, giấy nợ do chị viết và chị T ký tên.

Do chị và chị T đã tự thỏa thuận riêng với nhau, nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị không yêu cầu anh Kh chị T trả tiền cho chị. Nếu có phát sinh tranh chấp chị sẽ khởi kiện ở vụ kiện khác theo quy định. Ngày 07-5-2020, chị T2 nộp đơn yêu cầu rút đơn khởi kiện, không yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Người đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân Hiệp Tân, ông Nguyễn Minh Cảnh trình bày:

Ngày 06-11-2018 anh Kh, chị T có ký Hợp đồng tín dụng số 964/HĐTD với Quỹ tín dụng nhân dân HT1, anh chị vay số tiền 800.000.000 đồng, mục đích vay để kinh doanh vàng, cầm đồ, mua đất, thời hạn vay 24 tháng, từ ngày 06-11-2018 đến 06-11-2020.

Ngày 05-11-2018, để đảm bảo cho khoản tiền vay trên, anh chị ký kết Hợp đồng thế chấp số 180530/2018-HĐTC với Quỹ tín dụng nhân dân HT1. Anh chị thế chấp T1 sản là Quyền sử dụng đất số 383, tờ bản đồ 15; loại đất ở, đất vườn; diện tích 408,00m^2 tọa lạc tại số 637, ấp LB, xã LTN, huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh Tây Ninh.

Trước đây do Hợp đồng vay của anh chị chưa đến hạn thanh toán nên Qũy tín dụng không yêu cầu khởi kiện nhưng nay anh Kh chị T đang tranh chấp toàn bộ T1 sản nên để đảm bảo quyền lợi cho Quỹ tín dụng, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Kh, chị T phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền vốn vay 800.000.000 đồng và số tiền lãi còn nợ đến nay là 116.541.300 đồng.

Từ ngày vay đến nay, chị T là người trực tiếp trả nợ lãi cho Quỹ tín dụng, tính đến nay chị T đã trả được số tiền lãi là 47.500.300 đồng.

Việc anh Kh trình bày, anh có ký Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp nhưng anh không có vay tiền, không nhận tiền, tại thời điểm vay tiền anh chị không còn quan hệ hôn nhân, vấn đề này Quỹ tín dụng không biết do anh chị không cung cấp thông tin cụ thể cho Quỹ tín dụng. Bởi anh chị là khách hàng đã từng vay tiền của Quỹ tín dụng, theo Hợp đồng tín dụng ngày 29/3/2018 anh Kh chị T vay tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 29-3-2018 đến 29-3-2021. Hợp đồng này các bên vẫn lập và ghi bên vay là chị T, anh Kh là người thừa kế, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì chị T vẫn là người trực tiếp thực hiện giao dịch đóng tiền cho Quỹ tín dụng.

Vì vậy việc Hợp đồng tín dụng ghi anh Kh là người thừa kế vì đó là thực hiện theo quy chế của Quỹ tín dụng, đối với các trường hợp tương tự khác vẫn thực hiện Hợp đồng theo hình thức chung, không có trường hợp khác. Anh Kh, chị T vay tiền để sử dụng như thế nào, cũng như việc ai là người đến đóng tiền vốn tiền lãi cho Quỹ tín dụng, là do anh chị tự thỏa thuận với nhau, Quỹ tín dụng không thể biết và không có trách nhiệm quản lý, nhưng nguyên tắc anh chị ký hợp đồng vay tiền thì anh chị phải cùng chịu trách nhiệm trả tiền cho Quỹ tín dụng, nếu anh chị không trả thì anh chị phải chịu phát mãi T1 sản thế chấp để trả tiền vốn và lãi suất vay cho Quỹ tín dụng theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết.

Quỹ tín dụng không đồng ý với ý kiến của anh Kh về việc tuyên bố Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp vô hiệu. Quỹ tín dụng yêu cầu anh Kh, chị T phải trả tiền vốn vay, tiền lãi theo quy định.

+ Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Văn Tấn Ph, anh Lê Nguyên B - anh Lê Phước Ý trình bày:

- Anh Ph là anh ruột của anh Kh, có cho anh Kh vay tiền cụ thể: Ngày 20-7-2018 cho anh Kh vay 380.000.000 đồng, để hùn vốn làm lò gạch, hùn vốn với ai anh không biết, do anh Kh không nói, vay tiền không tính lãi, không thỏa thuận thời gian trả nợ, bên ngoài thỏa thuận miệng với nhau là 5 tháng trả. Nay anh Ph yêu cầu anh Kh, chị T cùng trả cho anh số tiền vốn vay còn nợ là 380.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi theo quy định.

- Anh B là anh rể của anh Kh, có cho anh Kh vay tiền cụ thể:

Ngày 10-9-2016, anh B cho anh Kh vay 300.000.000 đồng, để anh Kh hùn vốn để kinh doanh lò gạch, không thỏa thuận trả lãi, bên ngoài thỏa thuận miệng tiền lãi là 1%/tháng, anh Kh đóng tiền lãi được 03 tháng là 9.000.000 đồng, thỏa thuận miệng vay 03 tháng trả hết tiền vốn, tiền lãi, nhưng đến nay chưa trả hết tiền nợ cho anh.

Ngày 30-12-2016, anh B cho anh Kh vay 280.000.000 đồng, để anh Kh hùn vốn kinh doanh và đáo hạn ngân hàng, không thỏa thuận trả lãi, không thỏa thuận thời gian trả tiền vốn.

Ngày 30-4-2017, anh B cho anh Kh vay 500.000.000 đồng, để anh Kh hùn vốn kinh doanh lò gạch, giấy nợ không ghi tiền lãi, không ghi thời gian trả tiền vốn, bên ngoài thỏa thuận miệng tiền lãi là 1%/tháng, thỏa thuận miệng thời gian trả tiền vốn là 01 năm nhưng đến nay không trả được khoản tiền vốn tiền lãi cho anh. Nay anh Kh xin anh cho tiền lãi, anh đồng ý.

Nay Anh Ph yêu cầu chị T, anh Kh phải trả cho anh tổng số tiền vốn vay còn nợ là 380.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Anh B yêu cầu chị T, anh Kh phải trả cho anh tổng cộng số tiền vốn vay còn nợ là 1.080.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Tất cả các khoản nợ của anh Ph, anh B nêu trên, anh Kh có ký giấy vay tiền, chị T không ký tên. Do anh Kh chị T là vợ chồng nên các anh Ph, anh B không yêu cầu chị T ký tên vào giấy vay tiền. Anh Kh chị T vay tiền không thế chấp T1 sản.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42A/2020/HN-ST ngày 28 tháng 7 năm 2020 *của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 33, 92, 93, 94, 95, 98 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự;

Các Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người nuôi con; chia T1 sản chung, nợ chung của chị Huỳnh Thị Mỹ T đối với anh Văn Tấn Kh.

Về con chung: Giao con chung tên Văn Minh Ph1, sinh ngày 28-12-2013 cho chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

Anh Kh có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về T1 sản chung:

Giao cho chị T toàn quyền quản lý, sử dụng những T1 sản sau:

- 01 căn nhà cấp 4 cụ thể có diện tích ngang 8m x dài 50m, gắn liền trên phần đất diện tích 408m^2, đất ở nông thôn 100 m^2, thửa đất số 383, bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận: Phần đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp hẻm 04m dài 08m;

Phía Tây giáp đường Phạm Hùng dài 08m;

Phía Nam giáp thửa 384 dài 51m;

Phía Bắc giáp thửa 253 dài 51m.

- 01 chiếc xe Honda sirius, biển số: 70H1-16820, đứng tên Huỳnh Thị Mỹ T.

Giao cho anh Kh toàn quyền quản lý, sử dụng những T1 sản chung sau:

- Phần đất diện tích 717,2m^2, đất ở nông thôn 200 m^2, thửa đất số 394, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp Cẩm B, xã Cẩm Giang, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Phần đất có tứ cận:

Phía Đông giáp thửa 292 dài 10,31m;

Phía Tây giáp đường đất dài 10m;

Phía Nam giáp thửa 292 dài 73,21 m;

Phía Bắc giáp thửa 395 dài 70,28m.

- 01 chiếc xe tải 01 tấn hiệu Huynh dai, biển số: 54Z-3417.

- 01 chiếc xe Honda, biển số: 70H1-35990.

Chị T phải giao cho anh Kh số tiền chênh lệch là: 63.758.138 (Sáu mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn, một trăm ba mươi tám) đồng.

Về nợ chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, bà L, Quỹ tín dụng nhân dân Hiệp Tân đối với anh Văn Tấn Kh, chị Huỳnh Thị Mỹ T.

Buộc chị T phải trả cho chị H số tiền là: 146.800.000 (Một trăm, bốn mươi sáu triệu, tám trăm ngàn) đồng. Ghi nhận chị H không tính lãi suất theo quy định.

Buộc Chị T phải trả cho bà L số tiền là: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà L không tính lãi suất theo quy định.

Buộc Chị T phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân HT1 số tiền nợ là: 916.541.300 (Chín trăm mười sáu triệu, năm trăm bốn mươi mốt ngàn, ba trăm) đồng. Trong đó tiền vốn vay là 800.000.000 đồng, tiền lãi là 116.541.300 đồng.

Về xử lý T1 sản bảo đảm:

Trường hợp chị T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý T1 sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp số 180530/2018-HĐTC, ngày 05/11/2018 đối với T1 sản thế chấp T1 sản là Quyền sử dụng đất số 383, tờ bản đồ 15; loại đất ở, đất vườn; diện tích 408,00m2 tọa lạc tại ấp LB, xã LTN, huyện HT, tỉnh Tây Ninh.

Về nợ riêng:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Văn Tấn Ph đối với anh Văn Tấn Kh, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ph đối với chị Huỳnh Thị Mỹ T. Buộc Anh Văn Tấn Kh phải trả cho anh Văn Tấn Ph số tiền vốn vay còn nợ 380.000.000 (Ba trăm, tám mươi triệu) đồng. Ghi nhận anh Ph không yêu cầu tính lãi theo quy định.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Nguyên B đối với anh Văn Tấn Kh, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh B đối với chị Huỳnh Thị Mỹ T. Buộc Anh Văn Tấn Kh phải trả cho anh Lê Nguyên B số tiền còn nợ là 1.080.000.000 (Một tỷ, không trăm, tám mươi triệu) đồng. Ghi nhận anh B không yêu cầu tính lãi theo quy định.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh T2. Chị T2 có quyền khởi kiện giải quyết lại vụ án theo quy định.

Ngoài ra bản án quyết định về án phí; nghĩa vụ chậm trả, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 30-7-2020, anh Văn Tấn Kh có đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử Ph thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Không chấp nhận khoản nợ theo yêu cầu của chị T, buộc anh có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị L 400.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Kim H 512.000.000 đồng;

+ Không chấp nhận yêu cầu dành quyền nuôi con là cháu Văn Tấn Ph1 của chị T

+ Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Kh yêu cầu chị T trả lại cho anh Kh số tiền 200.000.000 đồng (trong đó là 150.000.000 đồng tiền bán đất ở Bến Kéo và 50.000.000 đồng tiền bán xe SH mode biển số 70G1-472.75)

+ Được nhận căn nhà và quyền sử dụng đất diện tích 408 m^2 thửa 383, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại thửa 383, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh;

+ Giao cho chị T : Phần đất diện tícs 717,2m^2, đất ở nông thôn 200 m^2, thửa đất số 394, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; 01 xe tải 01 tấn hiệu Hyun Dai, biển số 54Z-3417 (yêu cầu chị T thối lại cho anh số tiền 60.000.000 đồng); 01 xe máy biển số 70H-539.90 (chị T thối lại cho anh 10.000.000 đồng); 01 xe Sirus biển số 70G1-168.20 (chị T thối lại cho anh số tiền 3.500.000 đồng); và 01 chiếc xe không rõ biển số chị T đã bán được số tiền 42.000.000 đồng, chị T thối lại cho anh số tiền 21.000.000 đồng;

+ Buộc chị T cùng có nghĩa vụ trả nợ cho anh Ph, anh B; trong đó phần chị T có nghĩa vụ trả cho anh Ph số tiền 190.000.000 đồng, trả cho anh B số tiền 540.000.000 đồng.

+ Tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 964/HĐTD ngày 06-11-2018 vô hiệu; buộc chị T có trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân HT1 số tiền 800.000.000 đồng

Ngày 10-8-2020, anh Lê Nguyên B có đơn kháng cáo đề nghị cấp Ph thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của anh, buộc anh Kh và chị T trả cho anh số tiền 1.080.000.000 đồng. Anh Văn Tấn Ph có đơn kháng cáo đề nghị cấp Ph thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của anh, buộc anh Kh và chị T trả cho anh số tiền 380.000.000 đồng.

Ngày 31-10-2020 anh Văn Tấn Ph và anh Lê Nguyên B có Đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Văn Tấn Kh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đồng ý việc rút đơn yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo của anh Văn Tấn Ph, anh Lê Nguyên B.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, anh Dương Lê T1 bổ sung căn cứ cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Đối với khoản vay 800.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng. Tuy anh Kh là người đứng ra vay tiền với chị T, nhưng anh Kh không có sử dụng số tiền này. Tại thời điểm vay T anh chị đã ly hôn, chị T không có bất cứ chứng cứ nào chứng minh cho việc sử dụng 800.000.000đồng tiền vay vào mục đích chung hoặc chị có đưa cho anh Kh sử dụng. Do đó, anh Kh không đồng ý cùng có trách nhiệm trả số tiền vay của Quỹ tín dụng. Tại tòa, anh Kh đồng ý trả số nợ cho Quỹ tín dụng, nhưng yêu cầu chị T phải trả lại cho anh Kh 400.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền vay của Ngân hàng Sacombank; sau khi bán phần đất ở ấp Bến Kéo được 700.000.000 đồng, đã trả cho Ngân hàng Sacombank 400.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng chị T giữ, nên anh Kh yêu cầu chị T giao cho anh Kh ½ số tiền là 150.000.000đồng. Tại tòa, chị T trình bày mượn tiền em gái (Huỳnh Thị Thanh T2) và hốt hụi trả nợ ngân hàng là không đúng.

Khoản tiền xây, sửa nhà chị T yêu cầu tính là 670.792.940 đồng là không có căn cứ; bởi vì tại đơn khởi kiện ban đầu cũng như tại các bản tự khai chị T trình bày tiền xây nhà bao gồm tiền công và vật tư chỉ có 91.340.000 đồng.

Đối với khoản vay của bà L là 400.000.000 đồng và khoản nợ hụi của chị H là 542.000.000 đồng; chị T yêu cầu anh Kh cùng có trách nhiệm trả là không có căn cứ. Vì tại các biên bản đối chất (từ bút lục 279 đến 282) thể hiện bà L cho chị T vay tiền mà không gặp anh Kh, đến nhà đòi tiền nhưng không có giấy tờ chứng minh anh Kh hứa trả tiền, không biết tiệm vàng nhà anh Kh tên gì. Còn số tiền hụi chị H nói anh Kh có nhận tiền hụi nhưng không có chứng cứ chứng minh hay giấy tờ gì, chị H trình bày chơi hụi không có giấy tờ, không có ký tên vào giấy nhận tiền, chỉ có niềm tin; điều này trái với Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Họ, hụi, biêu, phường. Việc này cũng chưa làm rõ.

Tại tòa Ph thẩm, anh Kh đồng ý nhận T1 sản là xe mô tô biển số 70H-359.90 và 01 xe ô tô tải biển số 54Z-3417.

Tại phiên tòa Ph thẩm, anh Kh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Văn Minh Ph1, đồng thời cung cấp: 01 giấy xác nhận hiện đang làm việc T1 Cty TNHH Thành Lợi, địa chỉ ấp LY, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; 01 giấy xác nhận đang tạm trú ổn định tại nhà mẹ ruột (Bà Nguyễn Thị X) địa chỉ 67/2 ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Chị T đồng ý giao con chung Văn Minh Ph1 cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục với điều kiện anh Kh phải tạo mọi điều kiện cho chị được thăm nom cháu Ph1, được rước cháu Ph1 về nhà chị từ chiều thứ Sáu, qua trưa ngày thứ Bảy chị sẽ đưa cháu Ph1 về nhà anh Kh. Tại Tòa, anh Kh cam kết thực hiện theo yêu cầu của chị T.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung:

+ Về con chung: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thỏa thuận giao con chung Văn Minh Ph1 cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh Kh kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Kh.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Ph, anh B; chấp nhận 01 phần yêu cầu kháng cáo của anh Kh về con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Chị T và anh Kh đã thuận tình ly hôn theo Quyết định số 382/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 16-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh Tây Ninh; công nhận thỏa thuận của đương sự về con chung; T1 sản chung không yêu cầu giải quyết. Nay chị T khởi kiện yêu chia T1 sản chung sau khi ly hôn và thay đổi người nuôi con. Do đó, căn cứ Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là *"tranh chấp chia T1 sản sau khi ly hôn và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn"*. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp chia T1 sản chung sau khi ly hôn là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[1.2] Ngày 31-10-2020, anh Văn Tấn Ph và anh Lê Nguyên B có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập, yêu cầu kháng cáo. Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của anh Văn Tấn Ph, anh Lê Nguyên B theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Ph, anh B được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn: Tại phiên tòa Ph thẩm, anh Kh cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận hiện nay anh Kh đang làm việc cho Công ty TNHH Thành Lợi tại ấp LY, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; đồng thời cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi để chị T thăm nom, mà không ảnh hưởng đến việc học tập của cháu Phát và được chị T thống nhất. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Văn Minh Ph1, sinh ngày 28-12-2013 cho anh Kh tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Kh cam kết tạo mọi điều kiện cho chị T được thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai được quyền cản trơ.

[2.2] Xác định T1 sản chung: Tại phiên tòa, chị T và anh Kh thống nhất trong thời kỳ hôn nhân anh chị có tạo lập được các T1 sản chung, cụ thể:

- Phần đất diện tích 408m^2 (đất ở nông thôn 100 m^2) và 01 căn nhà cấp 4 trên đất ngang 8m x dài 50m, thửa đất số 383, bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá là 2.080.000.000 đồng.

- Tại phiên tòa Ph thẩm, chị T anh Kh thống nhất căn nhà và các công trình phụ trên đất có giá trị như cấp sơ thẩm đã định trị giá 644.587.346 đồng. Không còn tranh chấp đối với phần chị T xây thêm.

- Phần đất diện tích 717,2m^2 (đất ở nông thôn 200 m^2) thửa đất số 394, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá là 329.912.000 đồng. Trên đất có các loại cây trồng, cây ăn trái; tổng giá trị là 3.560.000 đồng; anh Kh, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- 01 chiếc xe tải loại 01 tấn, hiệu Hyunh Dai, biển số: 54Z-3417 hiện anh Kh đang quản lý, sử dụng; anh Kh, chị T thống nhất giá trị xe là 120.000.000 đồng.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter biển số: 70H1-359.90, đứng tên Huỳnh Thị Mỹ T, hiện giấy chứng nhận đăng ký xe và xe do anh Kh đang quản lý, sử dụng; anh Kh, chị T thống nhất giá trị xe là 12.000.000 đồng.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại sirius, biển số: 70G1-168.20, đứng tên Huỳnh Thị Mỹ T, hiện xe chị T đang quản lý sử dụng trị giá 7.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung: 3.193.499.346 (Ba tỷ một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi sáu) đồng.

Các đương sự không thống nhất về nợ chung, nên anh Kh có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Văn Tấn Kh:

[3.1] Không đồng ý cùng chị T có trách nhiệm trả các khoản nợ cho Quỹ tín dụng, bà L và chị H. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1.1] Đối với khoản vay 800.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân HT1: Ngày 06-11-2018, chị T và anh Kh ký Hợp đồng tín dụng với Quỹ tín dụng nhân dân HT1 để vay số tiền 800.000.000 đồng sử dụng vào mục đích kinh doanh (anh Kh là người thừa kế) và để đảm bảo cho khoản nợ vay, chị T, anh Kh ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa 383, đất tọa lạc tại ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Tại Tòa, anh Kh thừa nhận anh có ký tên vào Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp; tuy nhiên anh không sử dụng nguồn tiền vay cũng như lợi nhuận từ việc kinh doanh, vì chị T vay tiền sau ngày anh và chị T ly hôn (ngày 16-10-2018), anh và chị T không còn chung sống với nhau, do đó anh không đồng ý cùng chị T trả nợ vay tại Quỹ tín dụng nhân dân Hiệp Tân.

Xét thấy, theo Quyết định số 382/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 16-10-2018 của Tòa án nhân dân huyện HT (nay là thị xã HT) anh Kh và chị T chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân, nuôi con, không giải quyết về T1 sản. Phần đất diện tích 408 m^2 thửa 383, đất tọa lạc tại ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh do anh Kh và chị

T cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó việc anh Kh cùng ký tên vào Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tức là cùng chịu trách nhiệm liên đới với chị T trong việc thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân HT1 Anh Kh trình bày không có sử dụng số tiền vay 800.000.000 đồng, nhưng không có chứng cứ nào chứng minh chỉ một mình chị T sử dụng số tiền vay của Quỹ tín dụng.Việc anh chị đã ly hôn theo Quyết định số 382 của Tòa án nhưng không cung cấp thông tin cho Quỹ tín dụng nên Quỹ tín dụng không thể biết được thông tin này, trong khi suốt thời gian từ năm 2013 đến năm 2018 anh, chị là khách hàng vay vốn thường xuyên của Quỹ tín dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Kh cùng có nghĩa vụ với chị T thanh toán nợ đến hạn cho Quỹ tín dụng HT1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.1.2] Đối với tiền nợ hụi của chị Nguyễn Thị Kim H: Chị T tham gia chơi các dây hụi của bà H từ năm 2016, gồm các dây hụi 5.000.000 đồng/tháng và 3.000.000 đồng/tháng, các dây hụi tính đến nay đã mãn hụi nhưng chị T còn nợ tiền hụi của chết của chị H là 542.000.000 đồng, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm chị T đã trả cho bà H số tiền 395.200.000 đồng, còn lại 146.800.000 đồng. Thấy rằng, tại thời điểm chị T tham gia chơi hụi và lĩnh hụi thì giữa chị T và anh Kh vẫn còn chung sống với nhau và sử dụng cho nhu cầu kinh doanh và nhu cầu thiết yếu của gia đình. Cũng trong thời gian này anh chị bị người khác không trả nợ (có bản án của Tòa án). Do vậy, anh Kh cho rằng anh không biết việc chơi hụi của chị T cũng như chị T không sử dụng tiền lĩnh hụi vào chi tiêu trong gia đình là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Kh cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ hụi cho chị H là có căn cứ.

[3.1.3] Đối với số tiền vay của bà Trần Thị L: Năm 2017, chị T vay của bà L số tiền 400.000.000 đồng, chị T đã trả số tiền gốc 300.000.000 đồng, tiền lãi 67.200.000 đồng, còn lại số tiền 100.000.000 đồng, bà L không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc chị T vay là trong thời kỳ hôn nhân, chị T là người quản lý chi tiêu trong gia đình, anh Kh cho rằng anh Kh không biết, không sử dụng số tiền vay này là không có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Kh, yêu cầu chị T trả lại cho anh số tiền tổng cộng 200.000.000 đồng (trong đó có 150.000.000 đồng là tiền bán đất ở Bến Kéo và 50.00.000 đồng là tiền bán chiếc xe SH mode biển số 70G1-472.75) Tại tòa, anh Kh xác định là 175.000.000 đồng (bao gồm 150.000.000 đồng là tiền bán đất ở Bến Kéo và 25.00.000 đồng là tiền bán chiếc xe SH mode biển số 70G1-472.75). Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận phần đất ở Bến Kéo và chiếc xe SH mode biển số 70G1-472.75 đã chuyển nhượng và bán trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa Ph thẩm, chị T, anh Kh cũng thừa nhận, trong thời kỳ hôn nhân chị T là người quản lý, chi tiêu các sinh hoạt phí trong gia đình; nhưng anh Kh cho rằng chị T sử dụng toàn bộ số tiền riêng, anh Kh không có sử dụng số tiền này là không có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Kh là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ nhận định nhưng không tuyên trong phần Quyết định của bản án là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[3.3] Đối với yêu cầu kháng cáo được nhận T1 sản là căn nhà và đất diện tích 408m^2 (đất ở nông thôn 100 m^2) thuộc thửa đất số 383, bản đồ số 15, tọa lạc tại số 637, đường Phạm Hùng, ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm khi giao T1 sản cho chị T, anh Kh đã có xem xét, cân nhắc đến công sức đóng góp, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mỗi người, chị T là phụ nữ, kinh doanh tại nhà, có công sức trong việc sửa chữa, cải tạo làm tăng giá trị nhà, đất nên giao nhà, đất nêu trên cho chị T và giao phần đất tọa lạc tại ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh cho anh Kh; các T1 sản khác (xe tải, xe máy) thì giao cho người đang quản lý T1 sản là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Kh về T1 sản chung, nợ chung; ghi nhận sự thỏa thuận của chị T, anh Kh về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Sửa bản án sơ thẩm.

[5] Xác định tổng giá trị T1 sản chung và nợ chung

[5.1] các đương sự xác định tổng giá trị T1 sản chung gồm:

- 01 phần đất diện tích 408 m^2 thuộc thửa đất số 383, bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp LB, xã LTN, huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh Tây Ninh trị giá 2.080.000.000 đồng và căn nhà trên đất trị giá 644.587.346 đồng. Nhà, đất tổng trị giá 2.724.587.346 đồng;

- 01 quyền sử dụng đất tại ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh trị giá 329.912.000 đồng (ghi nhận các đương sự không tranh chấp cây trái trên đất);

- 01 xe tải hiệu Hyun Dai biển số 54Z- 3417 trị giá 120.000.000 đồng;

- 01 xe mô tô Yamaha loại sirus biển số 70G1-168.20 trị giá 7.000.000 đồng;

- 01 xe mô tô Yamaha loại Exciter biển số 70H1-359.90 trị giá 12.000.000 đồng.

Tổng giá trị T1 sản là 3.193.499.346 (Ba tỷ một trăm chín mươi ba triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn ba trăm bốn mươi sáu) đồng.

[5.2] Xác định nợ chung:

- Nợ Quỹ tín dụng nhân dân HT1 964.041.300 đồng (bao gồm tiền gốc 800.000.000 đồng; tiền lãi chị T đã trả 47.500.300 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm 116.541.300 đồng);

- Nợ bà Trần Thị L số tiền 467.200.000 đồng (tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 67.200.000 đồng);

- Nợ chị Nguyễn Thị Kim H số tiền 542.000.000 đồng

Tổng số nợ chung của chị T, anh Kh là 1.973.241.300 (Một tỷ chín trăm bảy mươi ba triệu hai trăm bốn mươi mốt nghìn ba trăm) đồng

[6] Xem xét việc giao tài sản:

[6.1] Chị T, anh Kh trong thời gian chung sống cùng tạo lập những tài sản chung như đã nêu trên, công sức đóng góp ngang nhau, cấp sơ thẩm chia đôi, mỗi người nhận ½ giá trị T1 sản là có cơ sở, đúng pháp luật; riêng đối với căn nhà cấp 4 trên phần đất diện tích 408 m^2 tọa lạc tại ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, chị T đã bỏ ra chi phí sửa chữa, làm tăng giá trị tài sản, cấp sơ thẩm chia cho

chị T được hưởng 60% giá trị căn nhà, anh Kh 40% giá trị căn nhà là phù hợp. Chị T, anh Kh mỗi người có nghĩa vụ thanh toán ½ tổng số nợ chung.

Như vậy, chị T được hưởng ½ tài sản trị giá: 1.274.456.000 đồng và 60% giá trị căn nhà là 386.752.408 đồng, tổng cộng là 1.661.208.408 đồng; đồng thời có nghĩa vụ thanh toán ½ tổng số nợ chung là 986.620.650 đồng, nên còn được hưởng tài sản trị giá 674.587.758 đồng.

Anh Kh được hưởng ½ tài sản trị giá: 1.274.456.000 đồng và 40% giá trị căn nhà là 257.834.938 đồng, tổng cộng là 1.532.290.938 đồng; đồng thời có nghĩa vụ thanh toán ½ tổng số nợ chung là 986.620.650 đồng, nên còn được hưởng tài sản trị giá 545.670.288 đồng.

[6.2] Đối với căn nhà cấp 4 trên phần đất diện tích 408 m^2 đất tọa lạc ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, chị T đã sửa chữa lại làm tăng giá trị tài sản và đang là người quản lý, sử dụng chiếc xe sirus biển số 70G1-168.20. Từ khi ly hôn anh Kh về sống tại nhà mẹ ruột, do đó cấp sơ thẩm giao nhà và đất tọa lạc ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh và 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại sirus biển số 70G1-168.20 cho chị T tiếp tục sử dụng, quản lý là phù hợp.

[6.3] Giao cho anh Kh quản lý sử dụng phần đất diện tích 717,2m^2 (đất ở nông thôn 200 m^2) thửa đất số 394, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; 01 xe tải hiệu Huyn Dai biển số 54Z-3417 và 01 xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter biển số 70H-359.90 anh Kh đang quản lý, sử dụng nên cấp sơ thẩm giao cho anh Kh tiếp tục quản lý, sử dụng là có cơ sở.

[7] Phương thức phân chia T1 sản

[7.1] Chị T được chia các T1 sản:

- 01 phần đất diện tích 408 m^2 thửa thửa đất số 383, bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp LB, xã LTN, huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh Tây Ninh và căn nhà trên đất trị giá 2.724.587.346 đồng (2.080.000.000 đồng + 644.587.346).

- 01 chiếc xe sirus biển số 70G1-168.20, trị giá 7.000.000 đồng.

Tổng T1 sản chị T được nhận trị giá: 2.731.587.346 đồng.

[7.2] Anh Kh được chia các T1 sản:

- 01 phần đất diện tích 717,2m^2 (đất ở nông thôn 200 m^2) thửa đất số 394, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh trị giá 329.912.000 đồng;

- 01 xe tải hiệu Huyn Dai biển số 54Z-3417 trị giá 120.000.000 đồng

- 01 xe mô tô Honda biển số 70H-359.90 trị giá 12.000.000 đồng;

Tổng cộng tài sản anh Kh được nhận trị giá: 461.912.000 đồng.

[7.3] Chị T có trách nhiệm thanh toán số nợ tổng cộng là 1.973.241.300 đồng. Ghi nhận chị T đã thanh toán cho bà L 367.200.000 đồng, còn tiếp tục thanh toán cho bà L 100.000.000 đồng; đã thanh toán cho chị H 395.200.000 đồng, còn tiếp tục thanh toán cho chị H 146.800.000 đồng; đã thanh toán tiền lãi cho quỹ tín dụng 47.500.300 đồng, còn phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng 916.541.300 đồng (tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm).

[7.4] Sau khi thanh toán nợ, chị T được nhận tài sản trị giá 758.346.046 đồng (2.731.587.346 đồng – 1.973.241.300 đồng); tài sản được chia trị giá 674.587.757

đồng; chênh lệch thừa 83.758.288 đồng, chị T có trách nhiệm hoàn lại cho anh Kh số tiền này.

[7.5] Anh Kh được chia T1 sản trị giá 1.532.290.938 đồng; anh Kh có nghĩa vụ thanh toán ½ tổng số nợ là 986.620.650 đồng; nên anh Kh được hưởng 545.670.288 đồng. Anh Kh được giao tài sản trị giá 461.912.000 đồng; chênh lệch thiếu 83.758.288 đồng, anh Kh được chị T hoàn lại số tiền này.

[7.6] Tại Tòa, anh Kh thừa nhận có nợ chị T số tiền 20.000.000 đồng. Nên cấn trừ số tiền 20.000.000 đồng anh Kh nợ chị T, chị T phải có trách nhiệm hoàn lại cho anh Kh số tiền là 63.758.288 đồng.

[8] Về án phí :

[8.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, có quy định *"Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần T1 sản họ được chia sau khi trừ đi giá trị T1 sản thực hiện với bên thứ ba; các đương sự phải chịu một phần án phí ngang nhau đối với phần T1 sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba theo quyết định của Tòa án"*

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính án phí dân sự sơ thẩm chưa chính xác; nên cấp phúc thẩm sửa lại cho đúng.

- Chị T phải chịu án phí về yêu cầu thay đổi người nuôi con là 300.000 đồng; án phí tương ứng với phần tài sản được chia là 30.984.510 đồng và án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ chung là 41.598.620 đồng. Tổng cộng chị T phải chịu 72.883.130 đồng án phí sơ thẩm.

- Anh Kh phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản được chia là 25.826.811 đồng; án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ chung là 41.598.620 đồng và án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ riêng là 64.550.000 đồng. Tổng cộng anh Kh phải chịu 131.975.431 đồng án phí sơ thẩm.

- Do yêu cầu độc lập của chị Nguyễn Thị Kim H, bà Trần Thị L, Quỹ tín dụng nhân dân Hiệp Tân được Tòa án chấp nhận, nên các đương sự có yêu cầu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Văn Tấn Ph và anh Lê Nguyên B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Do yêu cầu kháng cáo của anh Kh được chấp nhận một phần nên anh Kh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho anh Kh số tiền 300.000 đồng anh Kh tạm nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0009033 ngày 30-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

- Anh Văn Tấn Ph và anh Lê Nguyên B rút đơn yêu cầu độc lập trước khi mở phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ khoản 6 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *"thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và phải chịu 50% mức án phí dân sự Ph thẩm"*

+ Anh Văn Tấn Ph phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009046 ngày 12-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho anh Ph số tiền 150.000 đồng.

+ Anh Lê Nguyên B phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009047 ngày 12-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho anh B số tiền 150.000 đồng.

[9] Chi phí tố tụng khác: Chi phí đo đạc, định giá là 4.976.000 đồng. Chị T và anh Kh mỗi người phải chịu chi phí đo đạc, định giá là 2.488.000 đồng. Ghi nhận chị T đã nộp tạm ứng và đã thanh toán xong, nên anh Kh có trách nhiệm trả lại cho chị T số tiền 2.488.000 đồng.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Văn Tấn Kh về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với chị Huỳnh Thị Mỹ T.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Văn Tấn Kh về giải quyết T1 sản chung, nợ chung.

Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 42A/2020/HN-ST, ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, về phần thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và án phí sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm c, điểm h khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh T2 về việc yêu cầu anh Văn Tấn Kh, chị Huỳnh Thị Mỹ T trả số tiền 300.000.000 đồng. Chị T2 có quyền khởi kiện giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của anh Văn Tấn Ph về việc yêu cầu anh Văn Tấn Kh, chị Huỳnh Thị Mỹ T trả số tiền 380.000.000 đồng. Anh Ph có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Nguyên B về việc yêu cầu anh Văn Tấn Kh, chị Huỳnh Thị Mỹ T trả số tiền 1.080.000.000 đồng. Anh B có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về con chung**:** Ghi nhận các đương sự thỏa thuận: Giao con chung tên Văn Minh Phát, sinh ngày 28-12-2013 cho anh Kh tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận anh Kh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia T1 sản chung sau khi ly hôn của chị Huỳnh Thị Mỹ T đối với anh Văn Tấn Kh.

5.1 Giao cho chị T toàn quyền quản lý, sử dụng những T1 sản sau:

- 01 căn nhà cấp 4 cụ thể có diện tích ngang 8m x dài 50m, gắn liền trên phần đất diện tích 408m^2, đất ở nông thôn 100 m^2, thửa đất số 383, bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp hẻm 04m dài 08m;

Phía Tây giáp đường Phạm Hùng dài 08m;

Phía Nam giáp thửa 384 dài 51m;

Phía Bắc giáp thửa 253 dài 51m.

- 01 chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA loại sirius, biển số: 70G1-168.20, đứng tên Huỳnh Thị Mỹ T.

5.2 Giao cho anh Kh toàn quyền quản lý, sử dụng những tài sản sau:

- Phần đất diện tích 717,2m^2 (đất ở nông thôn 200 m^2, đất trồng cây lâu năm 517,2m^2) thuộc thửa đất số 394, tờ bản đồ số 44, tọa lạc tại ấp CB, xã CG, huyện GD, tỉnh Tây Ninh. Phần đất có tứ cận:

Phía Đông giáp thửa 292 dài 10,31m;

Phía Tây giáp đường đất dài 10m;

Phía Nam giáp thửa 292 dài 73,21 m;

Phía Bắc giáp thửa 395 dài 70,28m.

- 01 xe ô tô tải 01 tấn hiệu Hyun Dai, biển số: 54Z-3417.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter, biển số: 70H1-359.90.

5.3 Chị T phải giao cho anh Kh số tiền chênh lệch chia tài sản là: 63.758.288 (Sáu mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm tám mươi tám) đồng.

Anh Kh được nhận số tiền chênh lệch chia tài sản là: 63.758.288 đồng do chị T giao lại.

6. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Văn Tấn Kh đối với chị Huỳnh Thị Mỹ T.

7. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H, bà Trần Thị L và Quỹ tín dụng nhân dân HT1 đối với anh Văn Tấn Kh, chị Huỳnh Thị Mỹ T.

7.1 Buộc chị T có nghĩa vụ trả tiếp cho chị H số tiền là: 146.800.000 (Một trăm, bốn mươi sáu triệu, tám trăm ngàn) đồng. Ghi nhận chị H không yêu cầu tính lãi suất.

7.2 Buộc Chị T có nghĩa vụ trả tiếp cho bà L số tiền là: 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

7.3 Buộc chị T có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân HT1 số tiền nợ là: 916.541.300 (Chín trăm mười sáu triệu, năm trăm bốn mươi mốt nghìn, ba trăm) đồng. Trong đó tiền gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi là 116.541.300 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

8. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp chị T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp số 180530/2018-HĐTC, ngày 05-11-2018 đối với tài sản thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất số 383, tờ bản đồ 15; loại đất ở, đất vườn; diện tích 408,00m^2 tọa lạc tại ấp LB, xã LTN, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Huỳnh Thị Mỹ T phải chịu án phí về yêu cầu thay đổi người nuôi con là 300.000 đồng; khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013467, ngày 21-5-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT. Chi T đã nộp xong.

Chị T phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản được chia là 30.984.510 đồng và án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ chung là 41.598.620 đồng. Tổng cộng chị T phải chịu 72.883.130 đồng án phí sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 5.688.000 đồng theo biên lai thu số 0013335, ngày 24-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT (thị xã HT); chị T còn phải nộp thêm 67.195.130 đồng.

- Anh Văn Tấn Kh phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản được chia là 25.826.811 đồng; án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ chung là 41.598.620 đồng và án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ riêng là 64.550.000 đồng. Tổng cộng anh Kh phải chịu 131.975.431 đồng án phí sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh Kh đã nộp là 14.000.000 đồng theo biên lai thu số 0013949, ngày 19-9-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT (nay là thị xã HT); anh Kh còn phải nộp thêm 117.975.431 đồng.

- Hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Thanh T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 (Bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0013821, ngày 12-8-2019 của của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT (Nay là Thị xã HT), tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Kim H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.840.000 (Mười hai triệu, tám trăm bốn mươi nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0013820, ngày 12-8-2019 của của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT (nay là Thị xã HT), tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000 (Mười triệu) đồng, theo biên lai thu số 0013822, ngày 12-8-2019 của của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT (nay là Thị xã HT), tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho Qũy tín dụng nhân dân HT1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.436.000 (Mười triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0009000, ngày 21-7-2020 của của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT (nay là Thị xã HT), tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho anh Ph 9.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008148 ngày 13-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT (nay là Thị xã HT), tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho anh B 22.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008149 ngày 13-11-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT (nay là Thị xã HT), tỉnh Tây Ninh.

10. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Văn Tấn Kh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, Anh Kh được hoàn lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0009033, ngày 30-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

- Anh Văn Tấn Ph phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009046 ngày 12-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho anh Ph số tiền 150.000 đồng.

- Anh Lê Nguyên phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009047 ngày 12-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả lại cho anh B số tiền 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án Ph thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND TX. HT;
- Chi cục THADS TX. HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PH THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Kim Sang